` **TÒA ÁN NHÂN DÂN**
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày: 15 – 6 - 2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chất.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Diệm và ông Trịnh Văn Thành.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thị Mỹ O**, sinh năm 1965 tại Quảng Bình; Hộ khẩu thường trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Kim B, sinh năm 1919 (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1938 (đã chết); bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2021 đến ngày 11/02/2021; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh B (vắng mặt).

- Bà Nông Thị M, Sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xã R, huyện S, tỉnh P (vắng mặt).

- Ông Lê Minh T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T, Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (vắng mặt).

- Ông Lê Văn M, Sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm 3, xã L, huyện Y, tỉnh N (vắng mặt).

-Bà Văn Thị Thanh M, Sinh năm 1981; Nơi cư trú: khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

- Bà Đặng Thị H, Sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện B, tỉnh B (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Q, Sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

-Ông Trần Văn L, Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 09/2020, Hoàng Thị Mỹ O, sinh năm 1965 sang lại quán cà phê "H" thuộc tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố Đ của người tên Vân (không rõ lai lịch) để kinh do nước giải khát. Sau đó đổi tên quán H thành A, hàng tháng trả tiền thuê đất 4.000.000 đồng cho chủ đất là chị Văn Thị Thanh M. Nhằm thu hút, lôi kéo khách đến quán uống nước nhiều nên O thuê 03 nhân viên gồm: Nông Thị M, sinh năm 1998, Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 và N (không rõ nhân thân, lai lịch) làm nhân viên phục vụ bán nước, đồng thời phục vụ massage kích dục và bán dâm khi khách có nhu cầu. Khi nhận các nhân viên vào làm, O thỏa thuận với các nhân viên như sau: O không trả lương cho nhân viên hàng tháng mà cho nhân viên ăn ở tại quán, mỗi lần có khách nam đến quán cà phê uống nước sẽ có nhân viên nữ đi ra tiếp chuyện, nếu khách có nhu cầu massage kích dục hoặc mua dâm thì nhân viên trực tiếp thỏa thuận giá cả, hình thức và địa điểm phục vụ với khách. Nếu khách có nhu cầu massage kích dục thì nhân viên nữ thu số tiền 200.000 đồng/01 lượt/01 khách còn khách có nhu cầu mua dâm thì thu số tiền 400.000 đồng/01 lượt/ 01 khách. Địa điểm phục vụ massage kích dục là các chòi lá phía sau của quán, địa điểm bán dâm là căn phòng phía trước các chòi lá hoặc các nhà nghỉ gần khu vực của quán. Sau khi thỏa thuận và thu tiền khách xong, các nhân vên nữ lên quầy bán nước nói cho O biết và đưa lại tiền cho O. Nếu nhân viên phục vụ massage kích dục cho khách tại các chòi lá phía sau của quán hoặc bán dâm tại các nhà nghỉ thì O sẽ thu 50.000 đồng/khách coi như là tiền nước (khách không uống nước vẫn thu 50.000 đồng), Nếu nhân viên bán dâm tại quán thì O thu 100.000 đồng/khách, trong đó 50.000 đồng tiền nước, 50.000 đồng tiền phòng, số tiền còn lại nhân viên được hưởng. Đến khoảng 14 giờ, ngày 03/01/2021, Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và Lê Văn M đến quán cà phê A uống nước thì được Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 và Nông Thị M tới phục vụ nước. Qua nói chuyện với các nhân viên, T và M được biết quán có phục vụ massage kích dục với giá 200.000 đồng/01 lượt/ 01 người và bán dâm với giá 400.000 đồng/01 lượt/ 01 người. Sau đó M ngồi nói chuyện với M, còn T thỏa thuận với H mua dâm tại quán và đưa cho H số tiền 400.000 đồng, H dẫn T vào căn phòng phía trước các chòi lá rồi đi lên quầy bán nước nói với O

“Em làm tại đây nghe chị” (nghĩa là bán dâm cho khách tại quán) và đưa cho O số tiền 100.000 đồng như thỏa thuận. O nhận tiền xong và chỉ vào cây quạt gần đó nói H “Mang quạt vào phòng làm cho mát”, H cầm quạt vào phòng, sau đó quan hệ tình dục cùng T. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/01/2021 thì bị lực lượng Công an thành phố Đồng Xoài đến kiểm tra phát hiện tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hoàng Thị Mỹ O về hành vi chứa mại dâm.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 08/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo Hoàng Thị Mỹ O về tội *“Chứa mại dâm”* theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Bị cáo tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 08/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài sản, kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng việc quản lý quán cà phê A tại tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh B nên ngày 03/01/2021 bị cáo O đã có hành vi cho Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T mượn địa điểm là phòng nghỉ tại quán (có thu tiền) để thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị bắt quả tang. Hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Chứa mại dâm”,* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc cho khách thuê phòng để làm địa điểm mua dâm và liên hệ người bán dâm đến bán dâm là hành vi vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mong muốn có đông khách đến quán uống nước và muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thuê Nông Thị M, Nguyễn Thị H và N làm nhân viên phục vụ bán nước đồng thời phục vụ massage kích dục và bán dâm khi khách có nhu cầu.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa tại địa phương nơi có tội phạm xảy ra và là một trong những nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh xã hội cần được loại trừ. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, sức khỏe bị cáo không tốt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét cần xử phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

[9] Đối với Nguyễn Văn T là người mua dâm, Nguyễn Thị H là người bán dâm Công an thành phố Đồng Xoài đã ra quyết định xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với Nông Thị M không thực hiện hành vi mua bán dâm tại quán nước do bị cáo O quản lý nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[11] Đối với nhân viên tên N không rõ nhân thân lai lịch, chưa làm việc được nên chưa đủ cơ sở xử lý.

[12] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 6 đã cũ, bể màn mình không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng bên trong không liên quan đến vụ án nên cần trả cho bị cáo.

- Đối với 04 bao cao su trong đó có 01 cái đã qua sử dụng, 04 khăn lạnh trong đó có 01 cái đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 300.000 đồng thu của H là tiền mua bán dâm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 100.000 đồng bị cáo O nhận từ H là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.180.000 đồng thu của bị cáo O, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Mỹ O phạm tội "*Chứa mại dâm"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, 5 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65, 50 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Mỹ O 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/6/2021).

Tuyên giao bị cáo Hoàng Thị Mỹ O cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh B quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luậthình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 04 bao cao su (trong đó có 01 cái đã qua sử dụng) và 04 khăn lạnh (trong đó có 01 cái đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng *(Bốn trăm ngàn đồng).*

- Trả lại cho bị cáo O số tiền 1.180.000 đồng *(Một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)* và 01 điện thoại Iphone 6 đã cũ, bể màn mình không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001882, quyển số 0038 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Xoài).

4. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Chất